

DẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

KHAO THI
VÀ QUẢN LÝ
CHẤT LƯỢNG
GIÁO DỤC

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 29.6.2025 - TRÌNH ĐỘ HSKK Cao cấp - LE 4.16

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H92517850200000001	TRAN THI HOANG	女	1996-09-07	035196009581	LE 4.16	
2	H92517850200000002	NGUYEN THI THUY LINH	女	1997-05-11	019197005218	LE 4.16	
3	H92517850200000003	CHAU THI LAN ANH	女	2002-11-23	008302005368	LE 4.16	
4	H92517850200000004	LE THI HONG	女	2002-03-08	038302018900	LE 4.16	
5	H92517850200000005	VU PHUONG THAO	女	1997-08-17	017197009013	LE 4.16	
6	H92517850200000006	TA DINH DOAN	男	1998-07-06	001098030845	LE 4.16	
7	H92517850200000007	NGUYEN QUYNH HOA	女	1991-12-16	022191005590	LE 4.16	
8	H92517850200000008	NGUYEN HONG NHUNG	女	2008-04-10	015308008120	LE 4.16	
9	H92517850200000009	NGO VAN CHIEN	男	2000-04-04	020200002943	LE 4.16	
10	H92517850200000010	NGUYEN MAI LINH	女	2007-07-06	010307001646	LE 4.16	
11	H92517850200000011	HA ANH THUAN	男	1993-08-06	019093006776	LE 4.16	
12	H92517850200000012	LAI PHUONG ANH	女	2003-06-03	022303005117	LE 4.16	
13	H92517850200000013	DIEP THI YEN	女	1995-08-10	024195007400	LE 4.16	



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 29.6.2025 - TRÌNH ĐỘ HSKK Cao cấp - LE 5.17

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H92517850200000014	TA NGOC ANH	女	2006-02-09	001306001352	LE 5.17	
2	H92517850200000015	BUI THI HOANG LINH	男	2001-09-02	036301005413	LE 5.17	
3	H92517850200000016	NGUYEN THI THU HIEN	女	2003-02-13	024303012721	LE 5.17	
4	H92517850200000017	DAO THI CHUNG	女	2003-01-16	027303004936	LE 5.17	
5	H92517850200000018	VU HOAI THUONG	女	2007-02-24	015307004762	LE 5.17	
6	H92517850200000019	BUI VAN CHIEM	男	1996-06-17	037096011746	LE 5.17	
7	H92517850200000020	CAO QUYNH ANH	女	2003-12-14	001303011499	LE 5.17	
8	H92517850200000021	NGUYEN THI HONG HANH	女	2001-12-19	026301006730	LE 5.17	
9	H92517850200000022	PHAM THANH LONG	男	2006-12-06	031206004379	LE 5.17	
10	H92517850200000023	VU TUAN ANH	男	1991-11-19	P03861652	LE 5.17	
11	H92517850200000024	LUC THI TUOI	女	2002-05-15	024302004661	LE 5.17	
12	H92517850200000025	LAM LE VY	女	2006-09-12	034306002421	LE 5.17	
13	H92517850200000026	NGUYEN THI HIEN HUONG	女	1995-12-10	033195007530	LE 5.17	
14	H92517850200000027	LY TA MAY	女	2002-02-20	010302006679	LE 5.17	
15	H92517850200000028	NGUYEN THU HOAI	女	2003-11-24	019303002083	LE 5.17	
16	H92517850200000029	LUC BICH THAO	女	2004-03-13	020304002086	LE 5.17	
17	H92517850200000030	HOANG VAN HIEU	男	1993-05-14	040093025986	LE 5.17	
18	H92517850200000031	HOANG THI DANG	女	1987-06-09	025187019690	LE 5.17	
19	H92517850200000032	PHAN THI HUONG	女	1995-10-20	040195010162	LE 5.17	
20	H92517850200000033	VU THI PHUONG	女	1989-03-02	038189049883	LE 5.17	
21	H92517850200000034	HOANG KIM CHI	女	2000-05-01	020300003726	LE 5.17	
22	H92517850200000035	NONG THI HANG	女	2000-07-06	020300005570	LE 5.17	
23	H92517850200000036	NGUYEN DUY KHANH	男	1996-11-10	031096014164	LE 5.17	
24	H92517850200000037	VU VAN HAU	男	2000-01-25	022200002639	LE 5.17	
25	H92517850200000038	PHAM DINH TU	男	1991-08-15	038091031727	LE 5.17	
26	H92517850200000039	HOANG THANH TUYEN	女	2003-11-08	036303008866	LE 5.17	
27	H92517850200000040	LY THI THAO	女	2003-12-28	004303000269	LE 5.17	
28	H92517850200000041	NGUYEN THI NGOC	女	1990-07-13	024190010949	LE 5.17	
29	H92517850200000042	TRAN VU THAO VY	女	2005-06-17	022305005274	LE 5.17	
30	H92517850200000043	PHAM YEN NHI	女	2006-12-26	022306005161	LE 5.17	
31	H92517850200000044	TRUONG DIEP CHI	女	2008-05-21	001308005817	LE 5.17	
32	H92517850200000045	PHAM TONG NGAN AN	女	2007-07-11	003630700738	LE 5.17	



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 29.6.2025 - TRÌNH ĐỘ HSKK Cao cấp - LE 5.18

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H92517850200000046	PHAN XUAN HANH	男	2004-01-16	042204008746	LE 5.18	
2	H92517850200000047	HUYNH HUONG GIANG	女	2005-12-30	019305000957	LE 5.18	
3	H92517850200000048	NGUYEN HONG VY	女	2003-12-10	068303004615	LE 5.18	
4	H92517850200000049	TRAN THI TAM	女	1998-05-16	036198012543	LE 5.18	
5	H92517850200000050	TRAN THI THUY LINH	女	1995-10-01	035195000045	LE 5.18	
6	H92517850200000051	LUONG TRAN NGOC BICH	女	2007-10-16	015307006400	LE 5.18	
7	H92517850200000052	NGUYEN NGOC KHANH	女	2003-06-17	022303002783	LE 5.18	
8	H92517850200000053	PHAM THI NGOC ANH	女	1992-09-23	031192009052	LE 5.18	
9	H92517850200000054	DANG HONG TUYEN	女	2002-09-08	024302001082	LE 5.18	
10	H92517850200000055	NGUYEN THI HUYEN TRANG	女	2005-01-17	027305001054	LE 5.18	
11	H92517850200000056	NGUYEN TUAN THANH	男	2000-12-25	024200004451	LE 5.18	
12	H92517850200000057	DUONG MINH NGOC	女	2008-11-20	034308019541	LE 5.18	
13	H92517850200000058	NGUYEN THI THUY LINH	女	2003-01-16	038303024504	LE 5.18	
14	H92517850200000059	VU THANH LONG	男	2004-08-12	031204009927	LE 5.18	
15	H92517850200000060	NONG THI LAN ANH	女	2002-10-23	019302006927	LE 5.18	
16	H92517850200000061	LE THANH THUY DUONG	女	2004-09-15	001304005578	LE 5.18	
17	H92517850200000062	NGUYEN DINH BAC	男	2003-04-28	015203001190	LE 5.18	
18	H92517850200000063	LE PHUONG UYEN	女	2008-07-18	001308037446	LE 5.18	
19	H92517850200000064	NGO THI THU TRANG	女	2005-08-04	001305022975	LE 5.18	
20	H92517850200000065	DANG THI HANG	女	2003-01-16	042303003633	LE 5.18	
21	H92517850200000066	NGUYEN HOAI THUONG	女	2008-10-16	031308000639	LE 5.18	
22	H92517850200000067	NGO VAN TRUONG	男	2000-08-27	024200005358	LE 5.18	
23	H92517850200000068	NGUYEN THI TU ANH	女	2003-09-14	026303007388	LE 5.18	
24	H92517850200000069	BUI THI MINH PHUONG	女	2004-06-16	022304011503	LE 5.18	
25	H92517850200000070	LANG THI HAI UYEN	女	2002-09-25	020302006576	LE 5.18	
26	H92517850200000071	PHAN KIM CHI	女	2002-09-24	019302004606	LE 5.18	
27	H92517850200000072	LE THI THANH TRUC	女	2003-05-26	019303003376	LE 5.18	
28	H92517850200000073	HUA THI DU	女	2002-04-12	024302004283	LE 5.18	
29	H92517850200000074	LE THI MY TAM	女	2006-09-26	034306004881	LE 5.18	
30	H92517850200000075	TRIEU NGOC DIEP	女	2003-02-01	008303004294	LE 5.18	
31	H92517850200000076	DUONG THI LOAN	女	2001-09-24	024301003786	LE 5.18	
32	H92517850200000077	NGUYEN HONG HA	女	2006-12-13	001306055809	LE 5.18	

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 29.6.2025 - TRÌNH ĐỘ HSKK Cao cấp - LE 5.21

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H92517850200000078	NGUYEN THI THUY HUYEN	女	2004-07-13	037304000116	LE 5.21	
2	H92517850200000079	VU THI THANH TRA	女	2002-07-05	022302004506	LE 5.21	
3	H92517850200000080	CHU THI THU HIEN	女	1999-03-18	030199000545	LE 5.21	
4	H92517850200000081	DUONG THI HONG HANH	女	2000-01-05	022300002664	LE 5.21	
5	H92517850200000082	LE PHUONG DUY	男	2008-01-28	019208011210	LE 5.21	
6	H92517850200000083	VU MINH NGUYEN	男	2008-11-15	001208019000	LE 5.21	
7	H92517850200000084	DANG VO THU HA	女	2003-11-20	040303013487	LE 5.21	
8	H92517850200000085	NGUYEN THI KIEU ANH	女	2003-04-02	034303002309	LE 5.21	
9	H92517850200000086	DO THU HANG	女	2002-03-16	015302006717	LE 5.21	
10	H92517850200000087	PHAM THI CHI MAI	女	2008-02-24	001308038881	LE 5.21	
11	H92517850200000088	CHU THI THU DAI	女	2002-11-11	022302000218	LE 5.21	
12	H92517850200000089	NGUYEN PHUONG TRA	女	2005-09-01	026305003303	LE 5.21	
13	H92517850200000090	DUONG XUAN MAI	女	2003-02-13	019303002937	LE 5.21	
14	H92517850200000091	KHONG MAI THUY QUYNH	女	2003-06-30	001303041303	LE 5.21	
15	H92517850200000092	NGUYEN LINH CHI	女	2004-01-22	024304002733	LE 5.21	
16	H92517850200000093	NGUYEN THI DIEU HUYEN	女	2006-05-12	026306001803	LE 5.21	
17	H92517850200000094	BUI THU TRANG	女	2003-01-26	017303006350	LE 5.21	
18	H92517850200000095	HOANG THI THUY DUONG	女	2003-08-29	026303004277	LE 5.21	
19	H92517850200000096	PHAM THI UYEN NHI	女	2008-05-31	040308020580	LE 5.21	
20	H92517850200000097	NGO HOANG LINH	女	2009-11-16	001309010044	LE 5.21	
21	H92517850200000098	HOANG THI TRANG	女	2001-09-11	001301012984	LE 5.21	
22	H92517850200000099	LE THI HA	女	2001-05-29	001301017044	LE 5.21	
23	H92517850200000100	MA THI NGUYET	女	2004-08-08	008304009794	LE 5.21	
24	H92517850200000101	NGUYEN NHU Y	女	2008-09-19	010308001301	LE 5.21	
25	H92517850200000102	NGUYEN THI NGUYET	女	2003-05-13	001303009347	LE 5.21	
26	H92517850200000103	VU THI THU HA	女	1995-11-01	001195013914	LE 5.21	
27	H92517850200000104	DANG THI KHANH LINH	女	2004-02-01	042304001980	LE 5.21	
28	H92517850200000105	DAO THI THANH	女	2003-10-15	027303001310	LE 5.21	
29	H92517850200000106	HOANG THANH HUE	女	1992-08-25	022192000430	LE 5.21	
30	H92517850200000107	DINH THI DIEP	女	1992-06-21	022192008747	LE 5.21	
31	H92517850200000108	TRINH THI KIM HUE	女	2001-09-01	001301028830	LE 5.21	
32	H92517850200000109	HOANG NGOC ANH	女	2007-05-25	020307002844	LE 5.21	
33	H92517850200000110	DO THI KIM PHUONG	女	2000-01-07	034300010476	LE 5.21	